

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2020

Bình Dương, ngày 04 tháng 10 năm 2020

Số: 77 /TB-ĐHTDM

THÔNG BÁO
ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN & LỊCH NHẬP HỌC
Cho phương thức xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo đến thí sinh về điểm chuẩn trúng tuyển của các ngành và lịch nhập học cho phương thức xét điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, cụ thể như sau:

1. Điểm chuẩn trúng tuyển các ngành:

Stt	Ngành học	Mã Ngành	Mã tổ hợp	Điểm chuẩn trúng tuyển (chung cho tất cả các tổ hợp)
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	16
2	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	15
3	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	15
4	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	15
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	15
6	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	15.5
7	Quản lý Công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	15
8	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	15.5
9	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	15.5
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	15.5
11	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	15.5
12	Hệ thống Thông tin	7480104	A00, A01, C01, D90	15
13	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	15
14	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	15
15	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	15
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	15
17	Thiết kế Đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	15
18	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	15
19	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ Chế biến Lâm sản)	7549001	A00, A01, B00, D01	15
20	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	V00, D01, A00, A16	15

21	Khoa học Môi trường	7440301	A00, D01, B00, B08	15
22	Toán kinh tế	7310108	A00, A01, D07, A16	15
23	Công nghệ Thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	15
24	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	A00, A02, B00, B08	15
25	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	15
26	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	15
27	Quản lý Đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	15
28	Chính trị học	7310201	C14, C00, C19, C15	15
29	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	15.5
30	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	15
31	Quốc tế học	7310601	A00, C00, D01, D78	15
32	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	15
33	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	15
34	Văn hóa học	7229040	C14, C00, D01, C15	15
35	Địa lý học	7310501	C00, A07, D15, D01	15
36	Văn học	7229030	C00, D01, D14, C15	15
37	Lịch sử	7229010	C00, D01, C14, C15	15
38	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14, C15	15
39	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00, A01, C01, D90	15
40	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	A00, A01, C01, D90	15
41	Quản lý Đô thị	7580107	V00, D01, A00, A16	15
42	Âm nhạc	7210405	M05, M07, M11, M03	15
43	Mỹ thuật	7210407	V00, V01, V05, V06	15
44	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	18.5
45	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	18.5
46	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14, C15	18.5
47	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, D01, C14, C15	18.5

Ghi chú: - Điểm chuẩn trúng tuyển trên là điểm không nhân hệ số, khu vực 3 và không thuộc diện ưu tiên. (Điểm trên chưa cộng điểm UT khu vực và đối tượng. Thí sinh lấy tổng điểm của tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (khu vực và đối tượng) nếu bằng hoặc cao hơn mức điểm trên là thí sinh trúng tuyển. VD: xét vào ngành Quản trị Kinh doanh bằng tổ hợp A00 được 15.75 điểm + khu vực 2 (0,25 điểm) = 16 điểm, điểm trúng tuyển ngành Quản trị Kinh doanh là 16 điểm, như vậy thí sinh đã trúng tuyển)

-Xem danh sách trúng tuyển tại: <https://tdmu.edu.vn/tra-cuu-ket-qua-trung-tuyen-2020>

2. Thời gian và thủ tục nhập học

2.1. Thời gian làm thủ tục nhập học

- Từ ngày 06/10/2020 đến 17h00 ngày 10/10/2020
- Quá thời hạn này, thí sinh không đến làm thủ tục nhập học được hiểu là từ chối nhập học và kết quả trúng tuyển không còn giá trị.
- Giấy Báo trúng tuyển thí sinh sẽ được nhận trực tiếp tại Trường Đại học Thủ Dầu Một khi đến làm thủ tục nhập học

2.2. Địa điểm làm thủ tục nhập học: Dãy B (cổng số 1), Trường Đại học Thủ Dầu Một, Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

2.3. Thời gian bắt đầu học chính thức

- Ngày 11/10/2020 tân sinh viên đến trường để dự buổi đón Tân sinh viên của Chương trình đào tạo/Khoa.
- Ngày 12/10/2020 Tân sinh viên bắt đầu học chính thức theo thời khóa biểu (sẽ ghi chi tiết hướng dẫn trên Giấy vào lớp).

2.4. Hồ sơ, lệ phí, học phí phải nộp khi nhập học

2.4.1. Hồ sơ bao gồm:

- (1) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (bản mã vạch và có mộc đỏ)
- (2) Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (01 bản photo không cần công chứng)
- (3) Thẻ bảo hiểm Y tế (01 bản photo không cần công chứng). Trường hợp sinh viên có thẻ BHYT còn thời hạn sử dụng, Nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền đã nộp trước 31/12/2020. Trường hợp không có thẻ BHYT hoặc hết hạn sử dụng sẽ được nhà trường mua BHYT mới.
- (4) Giấy tờ ưu tiên (để đối chiếu điểm ưu tiên đối tượng) nếu có (01 bản photo không cần công chứng)

2.4.2. Lệ phí, học phí và BHYT phải nộp: (đơn vị tính: đồng)

Stt	Ngành	Học phí học kỳ 1	BHYT bắt buộc	Lệ phí nhập học	Tài liệu học tập	Tổng tiền phải nộp
1	Giáo dục học	2.943.000	141.000	70.000	260.000	3.414.000
2	Giáo dục Mầm non	Không thu	141.000	70.000	260.000	471.000
3	Giáo dục Tiểu học	Không thu	141.000	70.000	260.000	471.000
4	Sư phạm Ngữ văn	Không thu	141.000	70.000	260.000	471.000
5	Sư phạm Lịch sử	Không thu	141.000	70.000	260.000	471.000
6	Thiết kế Đồ họa	5.850.000	141.000	70.000	260.000	6.321.000
7	Luật	3.270.000	141.000	70.000	260.000	3.741.000
8	Kế toán	3.760.500	141.000	70.000	260.000	4.231.500
9	Quản trị Kinh doanh	3.433.500	141.000	70.000	260.000	3.904.500
10	Tài chính - Ngân hàng	3.760.500	141.000	70.000	260.000	4.231.500
11	Hóa học	3.900.000	141.000	70.000	260.000	4.371.000
12	Khoa học Môi trường	3.900.000	141.000	70.000	260.000	4.371.000



13	Công nghệ Thông tin	4.036.500	141.000	70.000	260.000	4.507.500
14	Công nghệ Thực phẩm	4.290.000	141.000	70.000	260.000	4.761.000
15	Kỹ thuật Phần mềm	4.036.500	141.000	70.000	260.000	4.507.500
16	Kỹ thuật Cơ điện tử	3.861.000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
17	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	3.861.000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
18	Hệ thống Thông tin	4.036.500	141.000	70.000	260.000	4.507.500
19	Quản lý Công nghiệp	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
20	Kỹ thuật Điện	3.861.000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
21	Kỹ thuật Xây dựng	3.510.000	141.000	70.000	260.000	3.981.000
22	Kiến trúc	4.212.000	141.000	70.000	260.000	4.683.000
23	Quy hoạch Vùng và Đô thị	5.265.000	141.000	70.000	260.000	5.736.000
24	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ Chế biến Lâm sản)	3.510.000	141.000	70.000	260.000	3.981.000
25	Toán kinh tế	3.120.000	141.000	70.000	260.000	3.591.000
26	Ngôn ngữ Anh	4.414.500	141.000	70.000	260.000	4.885.500
27	Ngôn ngữ Trung Quốc	4.087.500	141.000	70.000	260.000	4,558,500
28	Công tác Xã hội	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
29	Tâm lý học	3.597.000	141.000	70.000	260.000	4.068.000
30	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3.900.000	141.000	70.000	260.000	4.371.000
31	Quản lý Nhà nước	3.760.500	141.000	70.000	260.000	4.231.500
32	Quản lý Đất đai	3.597.000	141.000	70.000	260.000	4.068.000
33	Địa lý học	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
34	Quốc tế học	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
35	Chính trị học	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
36	Văn hóa học	3.270.000	141.000	70.000	260.000	3.741.000
37	Công nghệ kỹ thuật ô tô	3.861.000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
38	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3.433.500	141.000	70.000	260.000	3.904.500
39	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	3.900.000	141.000	70.000	260.000	4.371.000
40	Du lịch	3.270.000	141.000	70.000	260.000	3.741.000
41	Lịch sử	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
42	Văn học	4.251.000	141.000	70.000	260.000	4.722.000
43	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3,861,000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
44	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	4.036.500	141.000	70.000	260.000	4.507.500
45	Quản lý Đô thị	3.861.000	141.000	70.000	260.000	4.332.000
46	Âm nhạc	4.578.000	141.000	70.000	260.000	5.049.000
47	Mỹ thuật	4.905.000	141.000	70.000	260.000	5.376.000

3. Các bước làm thủ tục nhập học

Bước 1:

- Nộp bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (có mã vạch và có mặt đồ)
- Nộp giấy tờ ưu tiên (để đổi chiều điểm ưu tiên đối tượng) nếu có
- Nhận Giấy báo trúng tuyển

Bước 2: Nộp học phí, lệ phí và Bảo hiểm Y tế (BHYT).

Bước 3: Nhận giấy vào lớp.

Bước 4: Nộp 01 bản photo CMND/CCCD, 01 bản photo thẻ BHYT và ghi tờ khai thông tin mua BHYT.

Bước 5: Nhận tài liệu học tập và hồ sơ sinh viên.

Bước 6: Đăng ký tìm chỗ ở cho tân sinh viên có nhu cầu.

Lưu ý: Sau khi thí sinh đã hoàn thành thủ tục nhập học, nhà trường không giải quyết việc rút lại hồ sơ và học phí, lệ phí đã nộp.

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** trungtamtuyensinh@tdmu.edu.vn

Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 – 0274.3844.341

Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhTDMU - **Hotline:** 0911.022.322

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và Các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



TS. Ngô Hồng Diệp